

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



EY

Building a better
working world

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 43

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 18 tháng 12 năm 2007. Ngày 8 tháng 1 năm 2016, theo Quyết định Số 121/GP-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”), Công ty chuyển đổi hình thức pháp lý từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn và kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Sài Gòn Royal, tầng 7, số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại tầng 4, tòa nhà số 27 phố Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

CHỦ SỞ HỮU VÀ HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ngày 8 tháng 1 năm 2016, UBCKNN đã cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 121/GP-UBCK cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) (“Công ty”), một công ty con do Công ty TNHH Mirae Asset Wealth Management (HK) sở hữu toàn phần. Theo đó, Công ty TNHH Mirae Asset Wealth Management (HK) đã có quyết định về việc bổ nhiệm Hội đồng Thành viên của Công ty từ ngày 8 tháng 1 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Byun Jae Sang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2016
Ông Woo Young Ki	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2016
Ông Kang Moon Kyung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2016

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và đến ngày 8 tháng 1 năm 2016 như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Moon Kyung Kang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Woo Young Ki	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Ryu Hyeuk Sun	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Vũ Hoài Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Seong Moon Jeong	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Byoung Youb Jeon	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015

Các thành viên Hội đồng Quản trị này đã được miễn nhiệm tại ngày 8 tháng 1 năm 2016 theo Quyết định của Công ty TNHH Mirae Asset Wealth Management (HK).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Ahn Jong Hoon	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Nghiêm Thông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Woo Young Ki	Thành viên kiêm điều hành	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo tài chính như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Woo Young Ki	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2016 Bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo tài chính này là ông Woo Young Ki, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của tôi, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61214809/17936568

BÁO CÁO VỀ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu của
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) (“Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó tại ngày 24 tháng 3 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		348.002.986.603	287.627.711.338
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	96.541.755.827	121.403.503.655
111	1. Tiền		58.541.755.827	41.301.003.655
112	2. Các khoản tương đương tiền		38.000.000.000	80.102.500.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.1	161.157.555.225	132.521.484.010
121	1. Đầu tư ngắn hạn		161.157.555.225	132.521.484.010
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	89.696.846.885	32.881.802.718
132	1. Trả trước người bán		6.091.275	-
135	2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		85.155.515.734	25.748.059.069
138	3. Các khoản phải thu khác		4.535.239.876	7.133.743.649
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác	10	606.828.666	820.920.955
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		490.274.649	742.800.908
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.772.711	6.449.897
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		113.781.306	71.670.150
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.579.080.609	8.324.961.797
220	I. Tài sản cố định		2.518.485.538	4.093.654.784
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.165.073.143	1.190.561.954
222	Nguyên giá		13.403.322.242	12.683.144.366
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.238.249.099)	(11.492.582.412)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	1.353.412.395	2.903.092.830
228	Nguyên giá		7.729.384.240	7.521.375.340
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.375.971.845)	(4.618.282.510)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6.2	572.618.000	572.618.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		572.618.000	572.618.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.487.977.071	3.658.689.013
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.645.325.640	1.355.849.660
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	2.106.970.104	1.567.158.026
268	3. Tài sản dài hạn khác	12	735.681.327	735.681.327
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		355.582.067.212	295.952.673.135

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		95.479.899.977	40.455.086.718
310	I. Nợ ngắn hạn		95.432.533.068	40.407.719.809
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	34.300.000.000	-
312	2. Phải trả người bán		-	62.940.000
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	215.233.054	407.268.957
316	4. Chi phí phải trả	15	2.138.489.928	1.334.426.715
320	5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	57.913.871.911	38.425.579.888
328	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	864.938.175	177.504.249
330	II. Nợ dài hạn		47.366.909	47.366.909
337	1. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm		47.366.909	47.366.909
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		260.102.167.235	255.497.586.417
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	260.102.167.235	255.497.586.417
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		11.875.117	11.875.117
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.875.117	11.875.117
420	4. Lỗ lũy kế		(39.921.582.999)	(44.526.163.817)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		355.582.067.212	295.952.673.135

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
005	1. Ngoại tệ các loại	-	3.415.932
006	2. Chứng khoán lưu ký	9.713.553.090.000	8.758.440.270.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	2.1. Chứng khoán giao dịch	9.593.138.810.000	8.716.577.340.000
008	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	7.526.710.000	208.820.000
009	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	255.841.850.000	257.259.550.000
010	2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	9.329.770.250.000	8.459.108.970.000
017	2.2. Chứng khoán cầm cố	45.000.000	-
019	2.2.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	45.000.000	-
022	2.3. Chứng khoán nắm giữ tạm thời	202.100.000	151.000.000
024	2.3.1. Chứng khoán nắm giữ tạm thời của khách hàng trong nước	202.100.000	151.000.000
027	2.4. Chứng khoán chờ thanh toán	4.191.000.000	3.901.800.000
029	2.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	4.030.900.000	1.596.200.000
030	2.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	160.100.000	2.305.600.000
037	2.5. Chứng khoán chờ giao dịch	100.280.000	52.800.000
038	2.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	120.000	90.000
039	2.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	72.720.000	52.110.000
040	2.5.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	27.440.000	600.000
042	2.6. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	115.875.900.000	37.757.330.000
044	2.6.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	115.875.900.000	37.757.330.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
050	3. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	2.123.390.000	6.068.600.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	3.1. Chứng khoán giao dịch	2.123.390.000	6.068.600.000
052	3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	1.760.000	2.160.000
053	3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.431.730.000	2.992.760.000
054	3.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	689.900.000	3.073.680.000

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người phê duyệt:



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

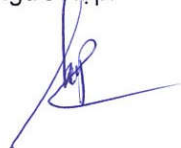
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu		38.195.239.104	28.914.631.137
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		6.922.891.320	7.661.323.894
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		13.785.111.836	30.517.825
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		147.108.866	-
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		499.931.569	397.986.685
01.9	Doanh thu khác	19	16.840.195.513	20.824.802.733
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		38.195.239.104	28.914.631.137
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	(18.021.773.485)	(16.948.458.047)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		20.173.465.619	11.966.173.090
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(15.565.811.900)	(16.415.087.892)
30	7. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh		4.607.653.719	(4.448.914.802)
31	8. Thu nhập khác		18.028	6.984.795
32	9. Chi phí khác		(3.090.929)	(264.101.233)
40	10. Lỗ khác		(3.072.901)	(257.116.438)
50	11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		4.604.580.818	(4.706.031.240)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	22.1	-	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		4.604.580.818	(4.706.031.240)

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người phê duyệt:



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		4.604.580.818	(4.706.031.240)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao TSCĐ	8, 9	2.503.356.022	2.306.607.948
03	Các khoản dự phòng		-	(61.668.730)
04	Lãi từ đánh giá lại chứng khoán đầu tư		(9.534.752.785)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(18.185.960.380)	(20.474.543.539)
	- Lãi tiền gửi ngân hàng	19	(11.374.090.374)	(16.188.164.423)
	- Lãi từ hoạt động ứng trước cho khách hàng	19	(630.824.377)	(660.500.923)
	- Lãi từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ	19	(4.658.518.688)	(3.625.878.193)
	- Cổ tức		(1.522.526.941)	-
06	Chi phí lãi vay	20	223.484.751	265.627.843
08	3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(20.389.291.574)	(22.670.007.718)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(59.878.019.846)	3.928.832.023
10	(Tăng)/giảm đầu tư ngắn hạn		(41.401.318.430)	66.670.248
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		20.712.582.703	(18.532.982.694)
12	Tăng chi phí trả trước		(36.949.721)	(54.089.575)
13	Tiền lãi vay đã trả		(211.254.195)	(265.627.843)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(101.204.251.063)	(37.527.205.559)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	8, 9	(928.186.776)	(750.040.000)
23	Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		(110.000.000.000)	(12.300.000.000)
24	Tiền thu về từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		132.300.000.000	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
27	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (tiếp theo) Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia - Tiền thu lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng - Tiền thu lãi từ các khoản ứng trước cho khách hàng - Tiền thu lãi từ các khoản giao dịch ký quỹ - Tiền thu lãi từ cổ tức được chia		13.881.180.864 616.541.974 4.652.611.962 1.520.355.211	17.360.870.354 661.514.565 3.843.311.009 -
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		42.042.503.235	8.815.655.928
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	13	192.003.000.000	140.160.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	13	(157.703.000.000)	(140.160.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		34.300.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(24.861.747.828)	(28.711.549.631)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	4	121.403.503.655	150.115.053.286
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	96.541.755.827	121.403.503.655

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người phê duyệt:



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B05-CTCK

VND

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn góp	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	11.875.117	11.875.117	-	-	-	-	11.875.117	11.875.117
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.875.117	11.875.117	-	-	-	-	11.875.117	11.875.117
4. Lỗ lũy kế	(39.820.132.577)	(44.526.163.817)	(4.706.031.240)	-	4.604.580.818	-	(44.526.163.817)	(39.921.582.999)
TỔNG CỘNG	260.203.617.657	255.497.586.417	(4.706.031.240)	-	4.604.580.818	-	255.497.586.417	260.102.167.235

Người lập:

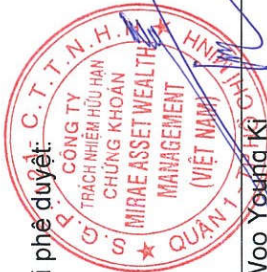


Bà Nguyễn Hồng Quyền
Kế toán viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người phê duyệt:



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 18 tháng 12 năm 2007. Ngày 8 tháng 1 năm 2016, theo Quyết định Số 121/GP-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”), Công ty chuyển đổi hình thức pháp lý từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn và kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Sài Gòn Royal, tầng 7, số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại tầng 4, tòa nhà số 27 phố Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng vốn góp của Công ty là 300.000.000.000 đồng Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 31 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 32 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Ghi nhận các khoản đầu tư theo phương pháp giá trị hợp lý

Trong năm, công ty đã lựa chọn phương pháp giá trị hợp lý để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán thay vì phương pháp giá gốc như các năm trước. Công ty đã thực hiện trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số khoản mục trên báo cáo tài chính năm trước để phản ánh những thay đổi và cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm nay (*Thuyết minh số 27*).

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Những thay đổi trong chính sách kế toán dẫn đến những thay đổi của số liệu so sánh như sau:

- ▶ Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu và các khoản có tính chất tương tự được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- ▶ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:
 - Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế (tiếp theo)

- ▶ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn: (tiếp theo)
 - Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư (dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác).
- ▶ Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán:
 - Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
 - Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.2 Các chính sách mới được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán phù hợp hơn với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Thông tư quy định các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán, sổ kế toán, mẫu báo cáo tài chính, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ("Thông tư 95") ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Những thay đổi quan trọng trong Thông tư 210 bao gồm:

- ▶ Thay đổi trong hình thức của các báo cáo tài chính. Báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Việc đo lường đối với mỗi loại tài sản tài chính như sau:
 - Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng;
 - Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng.

Các khoản cho vay được phân loại thành 5 nhóm và trích lập dự phòng cụ thể theo tỷ lệ dự phòng quy định đối với từng nhóm.

Các khoản cho vay cũng bị yêu cầu trích lập dự phòng chung là 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của quy định này và sẽ áp dụng khi có hiệu lực.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá hợp lý để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.4.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng và được phản ánh theo giá trị hợp lý trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào cuối mỗi tháng.

Tiền lãi của các chứng khoán nợ nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

3.4.2 Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư dài hạn vào một doanh nghiệp với tỷ lệ sở hữu dưới 20%.

Khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Khoản đầu tư dài hạn sau đó được đo lường bằng giá trị hợp lý. Thay đổi giá trị hợp lý được hạch toán vào dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán một cách lâu dài.

3.4.3 Giá trị hợp lý của chứng khoán

Giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định cho từng loại chứng khoán theo giá mua bán trên thị trường.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa của Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày lập báo cáo.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày lập báo cáo.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với ngày báo cáo.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	4 năm
Trang thiết bị văn phòng	4 năm
Phần mềm tin học	3 - 4 năm

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ 1 đến 38 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf;
- ▶ Chi phí bảo trì phần mềm;
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí internet;
- ▶ Phí cung cấp thông tin cho sở giao dịch chứng khoán; và
- ▶ Các loại chi phí khác.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Lợi ích của nhân viên

3.12.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.12.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc USD được đánh giá lại theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động ứng trước cho khách hàng và lãi từ hoạt động giao dịch ký quỹ được trình bày là lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.15 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập để sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm của công ty chứng khoán.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng Quỹ bảo vệ nhà đầu tư của Công ty.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.19 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	5.254.500	7.509.500
Tiền gửi ngân hàng	58.536.501.327	41.293.494.155
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 16)</i>	57.913.871.911	38.425.579.888
Các khoản tương đương tiền	38.000.000.000	80.102.500.000
TỔNG CỘNG	96.541.755.827	121.403.503.655

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và chịu lãi suất từ 4% đến 5,2%/năm.

Một số khoản tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 trị giá 5.000.000.000 đồng được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại một ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 13).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)</i>
a. Cửa Công ty		
- Cổ phiếu	711.650	41.895.618.080
b. Cửa nhà đầu tư		
- Trái phiếu	186.913.694	3.821.803.264.900
- Cổ phiếu	28.181.332	3.130.463.255.154
TỔNG CỘNG	215.806.676	6.994.162.138.134

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn do Công ty nắm giữ như sau:

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>VND</i>
Chứng khoán thương mại	51.157.555.225	221.484.010
Tiền gửi tại các ngân hàng khác có kỳ hạn trên ba tháng	110.000.000.000	132.300.000.000
	161.157.555.225	132.521.484.010

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng có thời hạn đáo hạn từ 6 đến 13 tháng và chịu lãi suất từ 4,5% đến 7%/năm.

Một số khoản tiền gửi trị giá 29.300.000.000 đồng được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 13*).

6.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn do Công ty nắm giữ như sau:

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>VND</i>
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam)	572.618.000	572.618.000

Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam) ("Mirae Asset Realty") là một công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 411022000515 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 4 năm 2010. Các hoạt động chính của Mirae Asset Realty là cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản. Đầu tư của Công ty chiếm 14,99% trong tổng vốn điều lệ của Mirae Asset Realty. Tại ngày báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ do không có thông tin đánh giá đáng tin cậy.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Chi tiết các khoản đầu tư tài chính

VND

Chi tiêu	Giá gốc		Tăng/(Giảm) so với giá trị hợp lý		Tổng giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Chứng khoán thương mại						
Cổ phiếu niêm yết						
VNM	41.607.061.385	205.742.955	9.550.493.840	15.741.055	51.157.555.225	221.484.010
FPT	21.887.870.199	3.721.500	9.788.929.801	385.000	31.676.800.000	4.106.500
MSN	6.197.541.750	2.197.440	669.317.550	634.560	6.866.859.300	2.832.000
REE	5.934.500.000	-	(199.500.000)	-	5.735.000.000	-
BIC	3.644.117.440	947.440	(399.718.240)	349.760	3.244.399.200	1.297.200
MWVG	1.589.339.000	-	(316.354.000)	-	1.272.985.000	-
MBB	1.244.000.000	-	(27.250.000)	-	1.216.750.000	-
ACB	894.603.400	301.590	23.254.800	25.910	917.858.200	327.500
Khác	39.759.720	39.759.720	(10.990.320)	(17.383.520)	28.769.400	22.376.200
	175.329.876	158.815.265	22.804.249	31.729.345	198.134.125	190.544.610
2. Đầu tư ngắn hạn khác						
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	110.000.000.000	132.300.000.000	-	-	110.000.000.000	132.300.000.000
3. Đầu tư dài hạn						
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam)	572.618.000	572.618.000	-	-	572.618.000	572.618.000
	152.179.679.385	133.078.360.955	9.550.493.840	15.741.055	161.730.173.225	133.094.102.010

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Dự phòng đã trích lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
1. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	25.748.059.069	-	872.946.372.064	813.538.915.399	85.155.515.734	-	-
- Phải thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (a)	24.892.578.994	-	396.495.741.925	343.939.129.186	77.449.191.733	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư (b)	768.601.067	-	472.669.069.213	465.804.466.647	7.633.203.633	-	-
- Phải thu phí lưu ký từ nhà đầu tư	80.290.252	-	547.695.603	554.865.487	73.120.368	-	-
- Phải thu khác	6.588.756	-	3.233.865.323	3.240.454.079	-	-	-
2. Trả trước người bán	-	-	240.588.205	234.496.930	6.091.275	-	-
- Trả trước người bán	-	-	240.588.205	234.496.930	6.091.275	-	-
3. Các khoản phải thu khác	7.133.743.649	-	14.250.040.049	16.848.543.822	4.535.239.876	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	6.916.051.597	-	10.245.961.724	12.753.052.214	4.408.961.107	-	-
- Phải thu khác (c)	217.692.052	-	4.004.078.325	4.095.491.608	126.278.769	-	-
TỔNG CỘNG	32.881.802.718	-	887.437.000.318	830.621.956.151	89.696.846.885	-	-

(a) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư. Những khoản phải thu này có thời hạn không quá 90 ngày và có lãi suất từ 9,99% đến 14%/năm (2014: từ 10,08%/năm đến 14%/năm).

(b) Đây là các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng có lãi suất là 14%/năm (2014: 14%/năm). Các khoản tạm ứng này có kỳ hạn từ 1 đến 3 ngày.

(c) Phải thu khác bao gồm khoản phải thu bên liên quan với số tiền là 41.343.632 đồng (Thuyết minh số 23).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	4.455.869.359	8.227.275.007	12.683.144.366
Mua trong năm	-	720.177.876	720.177.876
Số dư cuối năm	4.455.869.359	8.947.452.883	13.403.322.242
Giá trị hao mòn:			
Số dư đầu năm	4.455.869.359	7.036.713.053	11.492.582.412
Khấu hao trong năm	-	745.666.687	745.666.687
Số dư cuối năm	4.455.869.359	7.782.379.740	12.238.249.099
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	-	1.190.561.954	1.190.561.954
Số dư cuối năm	-	1.165.073.143	1.165.073.143

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 10.298.352.637 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 10.241.895.137 đồng).

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm tin học</i>
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	7.521.375.340
Mua trong năm	208.008.900
Số dư cuối năm	7.729.384.240
Giá trị hao mòn:	
Số dư đầu năm	4.618.282.510
Khấu hao trong năm	1.757.689.335
Số dư cuối năm	6.375.971.845
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	2.903.092.830
Số dư cuối năm	1.353.412.395

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.324.832.689 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.236.980.729 đồng).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	380.350.880	380.350.880
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	109.923.769	362.450.028
	<u>490.274.649</u>	<u>742.800.908</u>
Dài hạn		
Phí hội viên (*)	1.018.778.716	1.049.965.760
Chi phí bảo trì hệ thống	436.084.688	158.713.444
Chi phí vật dụng văn phòng	190.462.236	147.170.456
	<u>1.645.325.640</u>	<u>1.355.849.660</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.135.600.289</u>	<u>2.098.650.568</u>

(*) Đây là khoản tiền còn lại chưa phân bổ của chi phí thành viên câu lạc bộ golf cho thời hạn còn lại là 32 năm.

Thay đổi trong chi phí trả trước trong năm như sau:

	VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ngắn hạn		
Số dư đầu năm	742.800.908	660.294.253
Tăng trong năm	4.587.551.322	4.576.078.522
Phân bổ trong năm	(4.840.077.581)	(4.493.571.867)
Số dư cuối năm	<u>490.274.649</u>	<u>742.800.908</u>
Dài hạn		
Số dư đầu năm	1.355.849.660	1.384.266.740
Tăng trong năm	1.112.588.987	705.478.331
Phân bổ trong năm	(823.113.007)	(733.895.411)
Số dư cuối năm	<u>1.645.325.640</u>	<u>1.355.849.660</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị giao dịch chứng khoán mỗi giới của năm liền trước. Nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm với giới hạn tối đa về mức đóng góp là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số dư đầu năm	1.567.158.026	865.992.296
Tiền nộp bổ sung trong năm	454.076.617	611.855.316
Lãi nhận được trong năm	85.735.461	89.310.414
Số dư cuối năm	<u>2.106.970.104</u>	<u>1.567.158.026</u>

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác là tiền ký quỹ thuê văn phòng Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngân hàng	-	-	192.003.000.000	157.703.000.000	34.300.000.000	34.300.000.000	

Bao gồm trong Vay ngân hàng là các khoản vay bằng VND từ:

- (i) Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn với số tiền là 19.300.000.000 đồng chịu lãi suất 8,50%/năm, có thời hạn 1 tháng. Gốc và lãi trả cuối kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại cùng ngân hàng (Thuyết minh số 6.1).
- (ii) Ngân hàng Woori Bank- Chi nhánh Hồ Chí Minh với số tiền là 15.000.000.000 đồng chịu lãi suất 5,7%/năm, có thời hạn 1 tháng. Gốc và lãi trả cuối kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại cùng ngân hàng (Thuyết minh số 4).

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chi tiêu	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		Số cuối năm		VND
1	Thuế nộp hộ nhà đầu tư		194.408.961		1.973.022.627		(2.087.040.047)		80.391.541	
2	Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên		170.287.586		1.287.638.920		(1.325.052.734)		132.873.772	
3	Thuế giá trị gia tăng		-		17.675.210		(17.675.210)		-	
4	Thuế khác		42.572.410		86.253.619		(126.858.288)		1.967.741	
	TỔNG CỘNG		407.268.957		3.364.590.376		(3.556.626.279)		215.233.054	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thưởng phải trả nhân viên	1.429.387.442	718.897.188
Phí dịch vụ chuyên môn	217.656.623	246.500.000
Phí giao dịch chứng khoán	231.824.107	206.578.658
Chi phí phải trả khác	259.621.756	162.450.869
TỔNG CỘNG	<u>2.138.489.928</u>	<u>1.334.426.715</u>

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà đầu tư	35.245.415.911	28.676.046.888
Phải trả trung tâm lưu ký	22.668.456.000	9.749.533.000
TỔNG CỘNG	<u>57.913.871.911</u>	<u>38.425.579.888</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	41.754.000	177.004.249
Phải trả cho các thẻ tín dụng	80.337.821	-
Các khoản phải trả khác	742.846.354	500.000
TỔNG CỘNG	<u>864.938.175</u>	<u>177.504.249</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Chi tiết thành phần cổ đông tại thời điểm cuối năm như sau:

	<u>Số cổ phần</u>	<u>Vốn cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty TNHH Mirae Asset Securities (HK)	14.700.000	147.000.000.000	49,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng P/E	13.590.000	135.900.000.000	45,30%
Cổ đông khác	1.710.000	17.100.000.000	5,70%
TỔNG CỘNG	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Công ty mẹ trực tiếp là Công ty TNHH Mirae Asset Securities (HK). Công ty mẹ cấp trung gian là Công ty TNHH Mirae Asset Securities và công ty mẹ cấp cao nhất là Mirae Asset Financial Group, được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

Ngày 08 tháng 1 năm 2016, theo Quyết định 121/GP-UBCK của Ủy ban chứng khoán - Bộ tài chính, quyết định chấm dứt hoạt động của Công ty Cổ phần chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) và cấp phép thành lập Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam).

Công ty TNHH Mirae Asset Wealth Management (HK) đã hoàn tất các kế hoạch mua lại toàn bộ cổ phần từ các cổ đông Việt Nam hiện hữu của Công ty và trở thành cổ đông duy nhất của Công ty.

Công ty chuyển từ hình thức công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn và được sở hữu toàn phần bởi Công ty TNHH Mirae Asset Wealth Management (HK).

	VND		
	<i>Số tiền theo giấy phép thành lập và hoạt động</i>	%	<i>Số vốn điều lệ đã góp</i>
Công ty TNHH Mirae Asset Securities (HK)	300.000.000.000	100	300.000.000.000

18.2 *Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*

Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro dịch vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trong năm do Công ty bị lỗ lũy kế.

19. DOANH THU KHÁC

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	11.374.090.374	16.188.164.423
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	4.658.518.688	3.625.878.193
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	630.824.377	660.500.923
Doanh thu khác	176.762.074	350.259.194
TỔNG CỘNG	16.840.195.513	20.824.802.733

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	5.919.466.598	7.575.088.943
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	2.749.612.110	-
Chi phí môi giới chứng khoán	2.023.024.758	2.039.632.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.992.213.974	1.837.888.721
Chi phí bảo trì hệ thống	1.343.083.016	518.026.432
Chi phí thuê văn phòng	1.242.100.362	1.701.069.888
Chi phí lưu ký chứng khoán	771.551.488	741.331.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	641.517.582	830.607.139
Thuế GTGT không được khấu trừ	377.568.604	401.487.234
Chi phí chiêu đãi và tiếp khách	243.444.916	236.414.345
Chi phí lãi	223.484.751	265.627.843
Chi phí văn phòng phẩm	191.950.790	228.240.744
Chi phí khác	302.754.536	634.712.296
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	(61.668.730)
TỔNG CỘNG	18.021.773.485	16.948.458.047

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên quản lý	8.333.977.627	8.984.918.415
Chi phí thuê văn phòng	1.622.537.280	1.586.235.672
Chi phí tư vấn	932.279.114	1.498.585.109
Chi phí xe	894.051.091	875.269.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	678.425.889	676.523.233
Chi phí công tác	640.200.290	215.819.849
Chi phí chiêu đãi, tiếp khách	565.241.262	731.084.772
Chi phí khấu hao tài sản cố định	511.142.048	468.719.227
Thuế GTGT không được khấu trừ	412.656.594	374.867.160
Chi phí bảo trì hệ thống	348.941.649	124.805.743
Chi phí khác	626.359.056	878.259.117
TỔNG CỘNG	15.565.811.900	16.415.087.892

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

22.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC (năm 2014: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	4.604.580.818	(4.706.031.240)
<i>Trừ:</i>		
Thu nhập cổ tức	(1.522.526.941)	(7.868.570)
Thu nhập từ đánh giá lại chứng khoán đầu tư	(9.534.752.785)	(15.741.055)
<i>Cộng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	<u>354.301.922</u>	<u>96.806.365</u>
Lỗ tính thuế	<u>(6.098.396.986)</u>	<u>(4.632.834.500)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>-</u>	<u>-</u>

22.2 Chuyển lỗ

Theo quy định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản lỗ tính thuế mang sang là 32.666.077.563 đồng có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.2 Chuyển lỗ (tiếp theo)

VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2015		Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
			Số không được chuyển lỗ		
2010	2015	16.155.547.593	(3.879.837.956)	(12.275.709.637)	-
2011	2016	8.167.713.672	-	-	8.167.713.672
2013	2018	13.767.132.405	-	-	13.767.132.405
2014	2019	4.632.834.500	-	-	4.632.834.500
2015	2020	6.098.396.986	-	-	6.098.396.986
TỔNG CỘNG		48.821.625.156	(3.879.837.956)	(12.275.709.637)	32.666.077.563

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế này do Công ty chưa chắc chắn về khả năng Công ty sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế để sử dụng tài sản thuế này trong tương lai.

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Mirae Asset Securitites	Công ty mẹ cấp trung gian	Doanh thu môi giới chứng khoán	29.100.052	32.623.112
Công ty Mirae Asset Global Investment	Công ty liên quan	Doanh thu môi giới chứng khoán	420.706.053	447.899.159
Công ty TNHH Mirae Asset Exim Investment	Công ty liên quan	Doanh thu lưu ký chứng khoán	271.837.707	271.830.413
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (VN)	Công ty liên quan	Chi hộ	219.167.825	24.537.400
Ban điều hành		Thù Lao	2.314.315.143	4.250.916.657

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (VN)	Công ty liên quan	Chi hộ	41.343.632	104.163.525

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai của Công ty theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đến 3 tháng	<u>720.427.047</u>	<u>664.414.320</u>

VND

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty thực hiện khung quản lý rủi ro toàn diện như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vì các khoản tiền gửi và vay trong năm hiện hành có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể do phần lớn các tài sản và nợ phải trả của Công ty bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 51.157.555.225 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 221.484.010 đồng). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì sẽ lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 3.990.289.308 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 17.275.753 đồng), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 3.990.289.308 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 17.275.753 đồng).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty:

	VND		
	<i>Bất cứ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư cuối năm			
Vay ngắn hạn	-	34.300.000.000	34.300.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	57.913.871.911	-	57.913.871.911
Chi phí phải trả	491.445.863	217.656.623	709.102.486
Phải trả ngắn hạn khác	823.184.175	-	823.184.175
	59.228.501.949	34.517.656.623	93.746.158.572
Số dư đầu năm			
Phải trả người bán	62.940.000	-	62.940.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	38.425.579.888	-	38.425.579.888
Chi phí phải trả	369.029.527	965.397.188	1.334.426.715
Phải trả ngắn hạn khác	177.504.249	-	177.504.249
	39.035.053.664	965.397.188	40.000.450.852

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch chứng khoán) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Các khoản phải thu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm hợp đồng giao dịch ký quỹ. Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có thể chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 34.300.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 4 và Thuyết minh số 6*).

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210 đối với các công cụ tài chính.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▪ **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

▪ **Các khoản cho vay và phải thu:**

là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ **Tài sản sẵn sàng để bán:**

là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại đã niêm yết được xác định dựa trên giá công bố trên các thị trường có giao dịch;
- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tài sản tài chính					
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
- Chứng khoán kinh doanh niêm yết	41.607.061.385	205.742.955	51.157.555.225	221.484.010	
Các khoản cho vay và phải thu					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	96.541.755.827	121.403.503.655	96.541.755.827	121.403.503.655	
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	110.000.000.000	132.300.000.000	110.000.000.000	132.300.000.000	
- Phải thu khách hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khác	89.696.846.885	32.881.802.718	89.696.846.885	32.881.802.718	
- Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	2.106.970.104	1.567.158.026	2.106.970.104	1.567.158.026	
- Tài sản tài chính khác	849.462.633	807.351.477	849.462.633	807.351.477	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
- Các khoản đầu tư dài hạn	572.618.000	572.618.000	572.618.000	572.618.000	
Tổng cộng	341.374.714.834	289.738.176.831	350.925.208.674	289.753.917.886	
Nợ phải trả tài chính					
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ					
- Vay ngắn hạn	34.300.000.000	-	34.300.000.000	-	
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	57.913.871.911	38.425.579.888	57.913.871.911	38.425.579.888	
- Chi phí phải trả	709.102.486	1.334.426.715	709.102.486	1.334.426.715	
- Phải trả người bán	-	62.940.000	-	62.940.000	
- Các khoản phải trả khác	823.184.175	177.504.249	823.184.175	177.504.249	
Tổng cộng	93.746.158.572	40.000.450.852	93.746.158.572	40.000.450.852	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Trong năm, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá hợp lý để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán thay vì phương pháp giá gốc như các năm trước.

Ngoài ra, Công ty thực hiện phân loại lại dòng tiền từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư ngắn hạn từ hoạt động đầu tư sang hoạt động kinh doanh.

Công ty đã thực hiện trình bày lại dữ liệu so sánh đối với một số khoản mục trên báo cáo tài chính năm trước nhằm phản ánh sự thay đổi và cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm nay.

	<i>Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm (được trình bày lại)</i>
A. Tài sản ngắn hạn			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1. Đầu tư ngắn hạn	132.451.828.330	69.655.680	132.521.484.010
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	132.505.742.955	15.741.055	132.521.484.010
	(53.914.625)	53.914.625	-
B. Vốn chủ sở hữu			
I. Vốn chủ sở hữu			
4. Lỗ lũy kế	(44.595.819.497)	69.655.680	(44.526.163.817)
C. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
1. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	14.776.770	15.741.055	30.517.825
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	17.002.372.672	(53.914.625)	16.948.458.047
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	11.896.517.410	69.655.680	11.966.173.090
7. Lỗ từ hoạt động kinh doanh	(4.518.570.482)	69.655.680	(4.448.914.802)
11. Lỗ kế toán trước thuế	(4.775.686.920)	69.655.680	(4.706.031.240)
14. Lỗ sau thuế TNDN	(4.775.686.920)	69.655.680	(4.706.031.240)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

VND

	<i>Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Số đầu năm (được trình bày lại)</i>
D. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	(4.775.686.920)	69.655.680	(4.706.031.240)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Các khoản dự phòng	(7.754.105)	(53.914.625)	(61.668.730)
Lợi nhuận từ các hoạt động mua bán chứng khoán	(11.027.937)	11.027.937	-
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động (Tăng)/giảm đầu tư ngắn hạn	-	66.670.248	66.670.248
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư	140.286.800	(140.286.800)	-
2. Tiền chi mua các khoản đầu tư	(46.847.560)	46.847.560	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 18 tháng 12 năm 2007.

Ngày 8 tháng 1 năm 2016, theo Quyết định Số 121/GP-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), Công ty chuyển đổi hình thức pháp lý từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn và kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam).

Không có sự kiện nào khác ngoài sự kiện trên phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người phê duyệt:



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

